

(Kèm theo Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Bình An).

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)						Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
				Tổng	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp											
					Tổng	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa									Đất trồng cây hàng năm khác
1	Trần Thanh Thảo	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	308,0	254,2	254,2	53,8	53,8			1.870.410.100	748.336.890	583.000			20.000.000	2.639.329.990		
2	Bùi Vinh Quang	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	285,0	200,0	200,0	85,0	85,0			1.470.032.500	766.673.460	2.771.321			20.000.000	2.259.477.281		
3	Mai Đức Huy và Ngô Thị Cẩm	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	59,0	59,0	59,0					370.107.000	742.705.260	408.100			20.000.000	1.133.220.360		
4	Nguyễn Hoàng Phúc	khu phố Phước Hải, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	273,8			273,8				289.817.300	536.999.948	3.694.800			20.000.000	850.512.048		
5	Nguyễn Chông và Nguyễn Thị Phi	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	250,2	131,8	131,8	118,4			118,4	1.146.644.600	1.127.067.040	1.250.333			20.000.000	2.294.961.973		
6	Ngô Thị Châu (tài sản xây dựng trên thửa 39, 232, 233, tờ 61)	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai								322.190.520	704.900					322.895.420		
7	Nguyễn Thị Liễu (tài sản xây dựng trên thửa 133, tờ 61)	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai								86.247.704	1.683.000					87.930.704		
8	Trần Thị Nhung (chết) - Trần Sơn Hải (tài sản xây dựng trên thửa đất số 234, tờ 60)	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai								509.997.696	186.000					510.183.696		
Tổng			1.176,0	645,0	645,0	531,0	138,8		392,2	5.147.011.500	4.840.218.518	11.281.454			100.000.000	10.098.511.472		
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:																	10.098.511.472	
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%, trong đó:																	353.447.902	
- Kinh phí UBND cấp xã (0,525%)																	53.017.185	
- TTPTQĐ.CNLT (2,975%)																	300.430.717	
Tổng cộng (1+2):																	10.451.959.374	